

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

(V/v)

Số:

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2026, tại, chúng tôi gồm:

BÊN A (BÊN MUA):

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Số tài khoản:

Người đại diện theo pháp luật: Ông/Bà

Chức vụ:

Điện thoại:

Email:

BÊN B (BÊN BÁN):

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Số tài khoản:

Người đại diện theo pháp luật: Ông/Bà

Chức vụ:

Điện thoại:

Email:

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng Nguyên tắc này với các điều khoản và điều kiện sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trừ khi ngữ cảnh có yêu cầu khác, các từ ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

1. **"Hợp đồng"**: là bản Hợp đồng Nguyên tắc này và toàn bộ các Phụ lục, sửa đổi, bổ sung (nếu có) được ký kết bởi đại diện có thẩm quyền của hai bên.
1. **"Hàng hóa/Dịch vụ"**: là các sản phẩm, hàng hóa, hoặc các dịch vụ mà Bên B cung cấp cho Bên A theo các thỏa thuận cụ thể, phù hợp với lĩnh vực kinh doanh của Bên B và nhu cầu của Bên A.
2. **"Đơn đặt hàng"**: là văn bản do Bên A gửi cho Bên B để yêu cầu cung cấp một lượng Hàng hóa/Dịch vụ cụ thể theo từng lần phát sinh nhu cầu. Đơn đặt hàng có thể được lập dưới dạng văn bản giấy, email hoặc các hình thức khác được hai bên thống nhất, trong đó phải viện dẫn đến số Hợp đồng này và bao gồm các thông tin chi tiết như: tên hàng hóa, quy cách, số lượng, đơn giá, tổng giá trị, thời gian và địa điểm giao hàng.
3. **"Ngày làm việc"**: là các ngày trong tuần từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, trừ các ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam.

ĐIỀU 2. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

1. Hợp đồng này là một thỏa thuận khung, quy định các nguyên tắc chung và điều kiện thương mại cho việc Bên B cung cấp Hàng hóa/Dịch vụ cho Bên A trong suốt thời gian hiệu lực của Hợp đồng.
1. Bên B đồng ý bán và Bên A đồng ý mua các loại Hàng hóa/Dịch vụ theo danh mục sản phẩm/dịch vụ của Bên B.
2. Chi tiết về quy cách, chủng loại, số lượng, chất lượng, giá cả, và các yêu cầu kỹ thuật khác của Hàng hóa/Dịch vụ sẽ được quy định cụ thể trong từng Đơn đặt hàng hoặc Phụ lục hợp đồng được hai bên xác nhận cho mỗi lần giao dịch. Các Đơn đặt hàng hoặc Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.
3. Bên B cam kết rằng tất cả Hàng hóa/Dịch vụ cung cấp cho Bên A đều đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, tiêu chuẩn ngành hoặc các tiêu chuẩn chất lượng khác đã được hai bên thỏa thuận và đăng ký hợp pháp.

ĐIỀU 3. GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Nguyên tắc xác định giá:

- a) Giá của Hàng hóa/Dịch vụ sẽ được áp dụng theo báo giá chính thức của Bên B tại thời điểm Bên A gửi Đơn đặt hàng và được hai bên thống nhất xác nhận.
- b) Báo giá sẽ được gửi cho Bên A qua email hoặc văn bản và có hiệu lực trong một khoảng thời gian nhất định được ghi rõ trên báo giá.
- c) Giá trong báo giá và Đơn đặt hàng là giá chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng (GTGT). Thuế GTGT sẽ được tính theo quy định của pháp luật tại thời điểm xuất hóa đơn.
- d) Giá Hàng hóa/Dịch vụ đã bao gồm/chưa bao gồm các chi phí liên quan như chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt, bảo hiểm... Điều này sẽ được quy định rõ trong từng Đơn đặt hàng cụ thể.

2. Đồng tiền và hình thức thanh toán:

- a) Đồng tiền thanh toán là Việt Nam Đồng (VND).
- b) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên B được nêu tại phần đầu của Hợp đồng.

3. Thời hạn thanh toán:

- a) Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B 100% giá trị của mỗi Đơn đặt hàng trong vòng [Thời hạn thanh toán (số ngày)] ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán hợp lệ.
- b) Bộ chứng từ thanh toán hợp lệ bao gồm: Hóa đơn GTGT hợp pháp, Biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa/dịch vụ có ký xác nhận của đại diện hai bên, và các chứng từ khác (nếu có) theo thỏa thuận trong từng Đơn đặt hàng.
- c) Ngày thanh toán được xác định là ngày số tiền được ghi có vào tài khoản của Bên B.

ĐIỀU 4. THỜI ĐIỂM GIAO NHẬN VÀ CHUYỂN RỦI RO

1. Phương thức, địa điểm và thời gian giao nhận:

- a) Các chi tiết về phương thức, địa điểm và thời gian giao nhận Hàng hóa/Dịch vụ sẽ được hai bên thỏa thuận và quy định cụ thể trong từng Đơn đặt hàng.
- b) Địa điểm giao hàng mặc định (nếu không có thỏa thuận khác) là tại kho của Bên A:
.....

2. Trách nhiệm của các bên khi giao nhận:

- a) Trách nhiệm của Bên B: Giao hàng đúng thời gian, địa điểm, số lượng, chất lượng và quy cách đã thỏa thuận. Cung cấp đầy đủ các giấy tờ liên quan đến hàng hóa (hướng dẫn

sử dụng, phiếu bảo hành, chứng nhận chất lượng...). Chịu mọi chi phí và rủi ro liên quan đến hàng hóa cho đến khi hoàn tất việc bàn giao cho Bên A.

b) Trách nhiệm của Bên A: Cử đại diện có thẩm quyền để nhận hàng, kiểm tra hàng hóa về số lượng và chất lượng sơ bộ (hiện trạng bên ngoài). Ký xác nhận vào Biên bản bàn giao hàng hóa. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B trong việc giao hàng.

3. Chuyển giao rủi ro:

a) Mọi rủi ro liên quan đến mất mát hoặc hư hỏng Hàng hóa sẽ được chuyển từ Bên B sang Bên A tại thời điểm đại diện có thẩm quyền của Bên A ký xác nhận trên Biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa.

b) Quyền sở hữu đối với Hàng hóa được chuyển từ Bên B sang Bên A kể từ thời điểm Bên A đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán toàn bộ giá trị Đơn đặt hàng liên quan.

ĐIỀU 5. QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

a) Yêu cầu Bên B cung cấp Hàng hóa/Dịch vụ đúng theo các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng và các Đơn đặt hàng.

b) Có quyền từ chối nhận hàng nếu hàng hóa không đúng về số lượng, chất lượng, quy cách, chủng loại như đã thỏa thuận.

c) Được hưởng các chính sách bảo hành, hậu mãi theo quy định của Bên B và nhà sản xuất.

d) Có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này.

e) Cung cấp đầy đủ và chính xác các thông tin cần thiết cho việc giao hàng và xuất hóa đơn.

f) Phối hợp với Bên B trong việc nhận hàng, kiểm tra và ký các biên bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

a) Yêu cầu Bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo thỏa thuận.

b) Được quyền yêu cầu Bên A cung cấp các thông tin cần thiết để thực hiện Đơn đặt hàng.

c) Có nghĩa vụ cung cấp Hàng hóa/Dịch vụ đúng chất lượng, số lượng, chủng loại, quy cách và thời gian đã cam kết trong từng Đơn đặt hàng.

- d) Cung cấp đầy đủ các hồ sơ, chứng từ hợp lệ liên quan đến hàng hóa và thanh toán cho Bên A (hóa đơn GTGT, biên bản bàn giao...).
- e) Thực hiện các nghĩa vụ bảo hành đối với Hàng hóa/Dịch vụ theo chính sách của Bên B hoặc của nhà sản xuất.
- f) Chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ và tính hợp pháp của Hàng hóa/Dịch vụ cung cấp.

ĐIỀU 6. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

1. Phạt vi phạm nghĩa vụ giao hàng:

- a) Trường hợp Bên B giao hàng chậm trễ so với thời hạn đã thỏa thuận trong Đơn đặt hàng mà không do lỗi của Bên A hoặc trường hợp bất khả kháng, Bên B sẽ bị phạt một khoản tiền tương đương% giá trị phần Đơn đặt hàng bị giao chậm cho mỗi ngày chậm trễ.
- b) Tổng mức phạt cho việc giao hàng chậm không vượt quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

2. Phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán:

- a) Trường hợp Bên A chậm thanh toán so với thời hạn quy định tại Điều 3, Bên A sẽ bị phạt một khoản tiền lãi chậm trả trên số tiền chậm thanh toán, tương đương% trên số tiền chậm thanh toán cho mỗi ngày chậm trễ.
- b) Tổng mức phạt cho việc thanh toán chậm không vượt quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

3. Bồi thường thiệt hại:

- a) Ngoài việc phải chịu phạt vi phạm theo quy định trên, bên vi phạm còn có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế, trực tiếp phát sinh cho bên bị vi phạm do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- b) Việc yêu cầu bồi thường thiệt hại phải được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ xác thực.

ĐIỀU 7. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 1. Hợp đồng này sẽ tự động chấm dứt khi hết thời hạn hiệu lực được quy định tại Điều 9.
- 1. Hợp đồng có thể được chấm dứt trước thời hạn trong các trường hợp sau:
 - a) Hai bên cùng thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

b) Một trong hai bên vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ cơ bản của Hợp đồng và không khắc phục vi phạm trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của bên kia.

c) Một trong hai bên bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy phép kinh doanh theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Thủ tục chấm dứt:

a) Bên muốn chấm dứt Hợp đồng phải gửi thông báo bằng văn bản cho bên kia trước ít nhất ngày, nêu rõ lý do chấm dứt.

b) Trong vòng 15 ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng, hai bên có trách nhiệm tiến hành đối chiếu, thanh lý công nợ và hoàn thành tất cả các nghĩa vụ tài chính còn tồn đọng.

4. Việc chấm dứt Hợp đồng không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về bảo mật, giải quyết tranh chấp và các nghĩa vụ đã phát sinh nhưng chưa hoàn thành.

ĐIỀU 8. BẢO MẬT THÔNG TIN VÀ TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

1. Bảo mật thông tin:

a) Mỗi bên cam kết sẽ giữ bí mật và không tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào các thông tin liên quan đến Hợp đồng này, các Đơn đặt hàng, thông tin về giá cả, thông tin kỹ thuật, bí mật kinh doanh, và các thông tin khác của bên kia mà mình biết được trong quá trình thực hiện Hợp đồng, trừ trường hợp được bên kia đồng ý bằng văn bản hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Nghĩa vụ bảo mật này vẫn có hiệu lực trong vòng 03 năm kể cả sau khi Hợp đồng đã chấm dứt.

2. Trường hợp Bất khả kháng (Force Majeure):

a) Sự kiện bất khả kháng là các sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và trong khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn: thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, chiến tranh, bạo loạn, đình công, dịch bệnh, sự thay đổi chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Khi một bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng, bên đó phải thông báo ngay cho bên kia bằng văn bản trong vòng 07 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện. Thông báo phải nêu rõ về sự kiện và các ảnh hưởng dự kiến tới việc thực hiện nghĩa vụ.

c) Trong thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng, các bên được tạm hoãn thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng. Các bên không bị coi là vi phạm Hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại.

ĐIỀU 9. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Luật áp dụng và Giải quyết tranh chấp:

a) Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo các quy định của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác và thiện chí. Nếu trong vòng 30 ngày kể từ ngày một bên gửi thông báo tranh chấp cho bên kia mà hai bên không giải quyết được, tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại nơi Bên A đặt trụ sở chính.

2. Hiệu lực của Hợp đồng:

a) Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và đóng dấu của cả hai bên cho đến hết ngày ...tháng...năm 202....

b) Hợp đồng có thể được gia hạn nếu hai bên có thỏa thuận bằng văn bản.

3. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng:

a) Mọi sự sửa đổi, bổ sung đối với Hợp đồng này phải được lập thành văn bản (Phụ lục hợp đồng) và được ký kết bởi đại diện có thẩm quyền của cả hai bên. Phụ lục hợp đồng là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

4. Các điều khoản khác:

a) Hợp đồng này được lập thành bản tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ bản để thực hiện.

b) Các bên đã đọc kỹ, hiểu rõ và đồng ý với tất cả các điều khoản và điều kiện được ghi trong Hợp đồng này và cùng nhau ký tên, đóng dấu dưới đây.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)